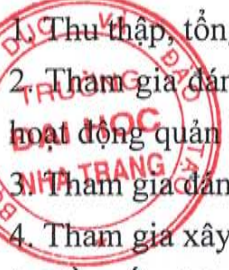


- 
1. Thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về môi trường và nguồn lợi thủy sản
 2. Tham gia đánh giá tác động qua lại giữa môi trường và nguồn lợi thủy sản để đề xuất hoạt động quản lý phù hợp
 3. Tham gia đánh giá nguồn lợi thủy sản
 4. Tham gia xây dựng các đề tài/dự án bảo tồn đa dạng sinh học thủy vực
 5. Đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý nguồn lợi thủy sản
 6. Trình độ ngoại ngữ đạt bậc A2.
 7. Sử dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công việc chuyên môn và quản lý.

III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

- A1. Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết và thực hiện các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân;
- A2. Có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; có ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc, và lợi ích của tập thể, bảo vệ môi trường;
- A3. Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao;
- A4. Có ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực;
- A5. Có ý thức rèn luyện sức khỏe để làm việc.

B. Kiến thức

- B1. Hiểu các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- B2. Hiểu biết các kiến thức toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, công nghệ và môi trường; và kiến thức cơ sở vào ngành đào tạo;
- B3. Hiểu biết các vấn đề đương đại liên quan đến lĩnh vực chuyên môn;
- B4. Hiểu biết các kiến thức chuyên môn sau:
 - B4.1. Đánh giá nguồn lợi thủy sản
 - B4.2. Đánh giá tác động qua lại giữa môi trường và nguồn lợi thủy sản
 - B4.3. Bảo tồn giống loài thủy sản
 - B4.4. Quản lý chất lượng nước thủy vực
 - B4.5. Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước
 - B4.6. Quản lý bảo tồn nguồn lợi thủy sản và đa dạng sinh học thủy vực

C. Kỹ năng

- C1. Kỹ năng nghề nghiệp
 - C1.1. Làm việc độc lập.
 - C1.2. Làm việc theo nhóm và với cộng đồng.
 - C1.3. Giao tiếp và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực chuyên môn.
 - C1.4. Thu thập, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.

C1.5. Tham gia công tác quản lý

C2. Năng lực ngoại ngữ

C2.2 Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ (bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn;

C3. Kỹ năng nghề nghiệp

C3.1. Tham gia thực hiện công tác đánh giá, sử dụng hợp lý nguồn lợi thủy sản

C3.2. Tham gia thực hiện công tác bảo tồn, phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản

C3.3. Tham gia thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học thủy vực

C3.4. Tư vấn quy hoạch và thiết kế cơ sở bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp có thể làm việc:

1. Tham gia xây dựng và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước.
2. Cán bộ kỹ thuật và quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản.
3. Cán bộ nghiên cứu và quản lý tại các viện, trung tâm nghiên cứu nguồn lợi và kinh tế thủy sản.
4. Giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các cơ sở đào tạo về thủy sản.
5. Cán bộ kỹ thuật, tư vấn và giám sát về lĩnh vực thủy sản cho các tổ chức phi chính phủ.
6. Tư vấn, giám sát và quản lý cho các công ty, doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực nguồn lợi thủy sản.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

IV.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I. Kiến thức giáo dục đại cương	61	40,66	50	81,97	11	18,03
Khoa học xã hội và nhân văn,	20	13,33	14	70,00	6	30,00
Toán, khoa học tự nhiên và môi trường	22	14,67	18	81,82	4	18,18
Ngoại ngữ	8	5,33	8	100	-	
Giáo dục thể chất và QP-AN	11	7,33	10	90,91	1	9,09
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89	59,34	75	84,27	14	15,73
Kiến thức cơ sở ngành	40	26,67	32	80,00	8	20,00
Kiến thức ngành	49	32,67	43	87,76	6	12,24
Tổng cộng	150	100	125	83,33	25	16,67

IV.2. Đối tượng tuyển sinh



Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và các quy định khác trong đề án tuyển sinh của Trường.

IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy định đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang.

IV.4. Nội dung chương trình

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		61				
I	KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN	20				
I.1	Các học phần bắt buộc	14				
1	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2	30		-	A1, B1
2	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3	45		1	A1, B1
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2	B1
4	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	45		3	A1, B1
5	Pháp luật đại cương	2	30			A1, A2
6	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	30		-	C1.2, C1.3
I.2	Các học phần tự chọn	6				
7	Tâm lý học đại cương	2	30		-	A3, B2
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		-	B2
9	Nhập môn hành chính nhà nước	2	30		-	A1, B2
10	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30		-	B2
11	Lôgic học đại cương	2	30		-	C1.5
12	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	30		6	C1.4
13	Nhập môn quản trị học	2	30		-	B3, C4.4
14	Kinh tế học đại cương	2	30		2, 17	B3, C4.4
II	TOÁN, KHOA HỌC TỰ NHIÊN, CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG	22				
II.1	Các học phần bắt buộc	18				
15	Đại số tuyến tính	2	30		-	B2
16	Giải tích	3	45			B2
17	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45		15,16	B2
18	Tin học cơ sở	2	30			C3
19	Thực hành Tin học cơ sở	1		15		C3

20	Sinh học đại cương	2	30		-	B2
21	Thực hành Sinh học đại cương	1		15	20	B2
22	Con người và môi trường	2	30		-	B2, B3, B4
23	Biến đổi khí hậu	2	30		-	B2, B3
II.2	Các học phần tự chọn	4				
24	Hóa học đại cương	3	45		-	B2, B4.4
25	Thực hành Hóa học đại cương	1		15	24	B2, B4.4
26	Vật lý đại cương	3	45		16	B2
27	Thực hành Vật lý đại cương	1		15	26	B2
III	Ngoại ngữ	8				
28	Ngoại ngữ 1	4	60			C2
29	Ngoại ngữ 2	4	60		28	C2
IV	GIÁO DỤC THỂ CHẤT và QUỐC PHÒNG - AN NINH	11				
IV.1	Các học phần bắt buộc	10				
30	Điền kinh	1	15			A5
31	Bơi lội	1	15			A5
32	Đường lối quân sự của Đảng CSVN	3	45			A1, B1
33	Công tác quốc phòng - an ninh	2	30		32	A1, B1
34	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và CKC	3	45		33	A1, B1
IV.2	Các học phần tự chọn	1				
35	Bóng đá	1	15			A5
36	Bóng chuyền	1	15			A5
37	Cầu lông	1	15			A5
38	Võ thuật	1	15			A5
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		89				
I	Kiến thức cơ sở	40				
I.1	Các học phần bắt buộc	32				
39	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30		15,16	A4, C1.4, C4
40	Chỉ thị sinh học trong đánh giá chất lượng nước	2	30		20,21	B3, B4.4
41	Sinh thái thủy sinh	3	45		20,21	B2, B4
42	Thực vật ở nước	3	30	15	41	B2, B4.1,
43	Động vật không xương sống ở nước	3	30	15	41	C4.1.,



44	Ngư loại	3	35	10	41	C4.2, C4.3
45	Quản lý chất lượng nước	3	30	15	25	B4.4
46	Nuôi trồng thủy sản	3	45		42-45	B2
47	Kinh tế và quản lý nghề cá	2	45			B3, C4.4
48	Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu	3	30	15	17,39	A4, B2, C1.4
49	Khai thác thủy sản	2	30			B3
50	Thực tập cơ sở (6 tuần)	3			42, 43, 45	B2, B4.1, C4.1, C4.2, C4.3, B4.4
I.2	Các học phần tự chọn	8				
51	Đánh giá tác động môi trường	2	30		-	B2, B3, B4.2
52	Đại cương về công nghệ sau thu hoạch	2	30		49	B3
53	Quy hoạch và quản lý nuôi trồng thủy sản	2	30		46	B2
54	Quản lý khai thác thủy sản	2	30		49	B3, B4.6, C1.5, C4.2
55	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	2	30			B3, C4.4
56	Thanh tra thủy sản và nghiệp vụ kiểm ngư	2	30		49	B4.6, C1.1, C1.2, C1.3, C4.2, C4.3
II	Kiến thức ngành	49				
II.1	Các học phần bắt buộc	33				
57	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45		29	A4, C1.3, C1.5
58	Chính sách và luật trọng quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản	2	30		5	A2, A3, B4.5, B4.6, C4.1-3
59	Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	3	30	15	17	B4.1-2, C1.4, C4.4
60	Bảo tồn đa dạng sinh học	3	30	15	42-44	B4.3, B4.5-6, C1.1-2, C4.3-4
61	Phương pháp đánh giá nguồn lợi thủy sản	3	35	10	60	B3, B4.1, B4.3, C1.4, C4.1
62	Sử dụng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	3	45		61	B3, B4.6, C1.4, C4.1-2
63	Quản lý nguồn lợi thủy sản dựa vào	3	45		6, 58,	B4.6, C1.1-

	cộng đồng				62	2, C1.5, C4.1-3
64	Thiết lập và quản lý khu bảo tồn thiên nhiên	2	30		58, 60	B4.5-6, C4.3, C4.4
65	Nghề cá nội địa	2			46,49	B3, B4,
66	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	3	45		63,64	C1, C4
67	Thực tập chuyên ngành (12 tuần)	6			65,66	B4, C1
II.2	Các học phần tự chọn (chọn 6 TC)	6				
68	Hải dương học nghề cá	2	30		16,24	B2
69	Theo dõi – Kiểm tra - Giám sát nghề cá	2	30			B4.1-3
70	Khuyến ngư	2	30		46,49	B3, C1.2, C1.3
71	Quản lý nguồn lợi giống tự nhiên	2	30		62	B4.3, B4.5
II.3	Đồ án tốt nghiệp hoặc tương đương	10				
72	Đồ án tốt nghiệp	10				B4, C1, C4
73	Ô nhiễm môi trường nước	2	30		45,46	B3, B4.4
74	Quản lý các hệ sinh thái ở nước	3	45		41,45	B3, B4, C1.5, C4.1, C4.2
75	Chuyên đề tốt nghiệp	5				B4, C1, C4
Số tín chỉ bắt buộc (i)				125		
Số tín chỉ tự chọn (ii)				25		
Tổng số tín chỉ (i+ii)				150		

TỔ CẬP NHẬP

TRƯỞNG KHOA/VIỆN



PHÒNG ĐÀO TẠO



Trần Đoàn Hùng



HIỆU TRƯỞNG



Trương Thị Trung